**CÁC LOẠI LỆNH GIAO DỊCH**

**1.Lệnh giới hạn (LO – limit order)**

*Khái niệm:*

Là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn.

b.Hiệu lực:

* Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến lúc kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

*Ví dụ:* Về lệnh giới hạn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CP: AAA  |  | **Kết quả khớp:** |
| Giá tham chiếu: 99  | - Giá khớp 100 - KL khớp 2500. |
|  |  | - Phần còn lại 2500 lệnh nước ngoài (F) tự động bị hủy. |
| **Sổ lệnh (trong thời gian khớp lệnh định kỳ):** |
| KL đặt mua  | Giá đặt mua  | Giá đặt bán  | KL đặt bán |
| 5000 (F)  | 100  | 98  | 1000  |
|  |  | 100  | 1500  |

**2.Lệnh thị trường (MP – market price order):**

*Khái niệm:*

Là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.

b.Hiệu lực:

* Nếu sau khi so khớp lệnh theo nguyên tắc ở trên mà khối lượng đặt lệnh của lệnh MP vẫn chưa được thực hiện hết thì lệnh MP sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường.

 *Ví dụ:* Về lệnh MP

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|   |   |   |   |   | **KQ khớp:** 3000(98),2000(99),1500(99,5) |
| **Sổ lệnh cổ phiếu AAA:**  |   |   | Phần còn lại 2500 của lệnh mua MP sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá 100 – cao hơn giá khớp cuối cùng 99,5 một bước giá. |
| KL đặt mua | Giá đặt mua | Giá đặt bán | KL đặt bán |   | KL đặt mua | Giá đặt mua | Giá đặt bán | KL đặt bán |
|   |   | 98 | 3000 | Lệnh mua 9000 (MP) | 9000 | MP | 98 | 3000 |
|   |   | 99 | 2000 |  |   |   | 99 | 2000 |
|   |   | 99.5 | 1500 |   |   |   | 99.5 | 1500 |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   | **KQ khớp:** |   |   |
| **Sổ lệnh cổ phiếu AAA:**  |   |   | Lệnh bán 9000(MP) không nhập được vào hệ thống do không có lệnh giới hạn mua đối ứng. |
| KL đặt mua | Giá đặt mua | Giá đặt bán | KL đặt bán |   | KL đặt mua | Giá đặt mua | Giá đặt bán | KL đặt bán |
|   |   | 98 | 3000 | Lệnh bán 9000 (MP) |   |   | 98 | 3000 |
|   |   | 99 | 2000 |   |   |   | 99 | 2000 |
|   |   | 99.5 | 1500 |   |   |   | 99.5 | 1500 |

 |

* Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh MP vẫn còn sau khi giao dịch theo nguyên tắc ở trên và không thể tiếp tục khớp được nữa thì lệnh MP sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại mức giá cao hơn một bước giá so với giá giao dịch cuối cùng trước đó hoặc lệnh giới hạn bán tại mức giá thấp hơn một bước giá so với giá giao dịch cuối cùng trước đó. Trường hợp giá thực hiện cuối cùng là giá trần đối với lệnh MP mua hoặc giá sàn đối với lệnh MP bán thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại giá trần hoặc lệnh giới hạn bán tại giá sàn.
* Các thành viên không được nhập lệnh MP vào hệ thống giao dịch khi chưa có lệnh giới hạn đối ứng đối với chứng khoán đó.
* Lệnh MP được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh liên tục.

**3.Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ATO – at the opening order):**

*Khái niệm:*

Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá mở cửa.

b.Hiệu lực:

* Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.
* Lệnh ATO được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa và sẽ tự động bị hủy bỏ sau thời điểm xác định giá mở cửa nếu lệnh không được thực hiện hoặc không được thực hiện hết.

**4.Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC – at the closing order):**

Tương tự như lệnh ATO nhưng được áp dụng trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa.

*Ví dụ* về lệnh ATO (ATC):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CP: AAA  |  | **Kết quả khớp:** |
| Giá tham chiếu: 99  | Không có giá khớp |
|  |  |  |  |
| **Sổ lệnh (trong thời gian khớp lệnh định kỳ):** |
| KL đặt mua  | Giá đặt mua  | Giá đặt bán  | KL đặt bán |
| 5000  | ATO  | ATO  | 1000 |
|  |  |  |  |
| CP: AAA  |  | **Kết quả khớp:** |
| Giá tham chiếu: 99  | - Giá khớp 99 |
| Lệnh vào HT theo thứ tự A,B,C  | - KL khớp 5000; trong đó C-B(4000), C-A(1000) – Lệnh ATO được ưu tiên trước so với lệnh giới hạn trong so khớp lệnh. |
| **Sổ lệnh (trong thời gian khớp lệnh định kỳ):** |
| KL đặt mua  | Giá đặt mua  | Giá đặt bán  | KL đặt bán |
| 5000 C  | 100  | ATO  | 4000 B |
|  |  | 99  | 2000 A |